

Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) - Giai đoạn 2

Báo cáo chuyên gia: Các kết quả đánh giá năng lực thú y viên cơ sở và Chương trình tập huấn thú y viên cơ sở tại 19 xã RUDEP



VIETNAM-AUSTRALIA

Đệ trình

AusAID

Đại sứ quán Ôxtrâyliã
8 Phố Đào Tấn
Quận Ba Đình
Hà Nội, VIET NAM

20 tháng 07 năm 2005

42443858

Bên soạn thảo

URS Sustainable Development
in association with Kellogg Brown & Root and
World Wide Project Management Services
Project Managers and Consultants
Adelaide Australia

CƠ QUAN TÀI TRỢ

AusAID

Đại sứ quán Úc

8 Phố Đào Tấn, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317755/Ext 210 (Chuyên viên Chương trình), Fax: +84 4 8317706

ĐỐI TÁC CHÍNH

Sở Kế hoạch-Đầu tư

96 Nguyễn Nghiêm, thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 825701

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

37 Phạm Văn Đồng, thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 816265-6, Fax: +84 55 816260

NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÚC

25 North Terrace

Hackney SA 5069

Ph: +61 8 8366 1000, Fax: +61 8 8366 1001

Giám đốc dự án:
Dee Hartvigsen
Giám đốc phụ trách các Dự án
quốc tế

URS Australia Pty Ltd
25 North Terrace, Hackney
South Australia 5069 Australia
Tel: 61 8 8366 1000
Fax: 61 8 8366 1001

Giám đốc
Chương trình:
Ted A' Bear
Phó Chủ tịch

Phát triển bền vững

Ngày: 20 tháng 7 năm 2005
Dẫn chiếu: 42443858
Văn bản: Final

MỤC LỤC

Các từ viết tắt	iii
1 Phần mở đầu	4
2 Rà soát kết quả đánh giá năng lực thú y viên và các dịch vụ thú y	5
2.1 Thực hiện.....	5
2.2 Các kết quả chính	6
2.2.1 Tình hình chăn nuôi và thú y tại 19 xã RUDEP:	6
2.2.2 Mức năng lực về thú y của thú y viên cơ sở và nông hộ.....	7
2.2.3 Các giải pháp được thành phần tham gia đánh giá đề xuất.....	7
2.3 Chương trình đào tạo thú y viên	8
3 Khoá tập huấn Tập huấn viên (ToT) ban đầu cho “nhóm giảng viên nòng cốt”	3
3.1 Mở đầu.....	3
3.2 Thực hiện.....	3
3.2.1 Thiết lập “nhóm giảng viên nòng cốt”	3
3.2.2 Khoá ToT về cách làm và sử dụng bảng lật.....	3
4 Đề xuất	5

CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Kết quả đánh giá năng lực thú y viên và năng lực về thú y.....	7
Bảng 2. Số liệu và dự thảo chương trình đào tạo thú y viên các xã thuộc RUDEP	9
Bảng 3. Dự thảo kế hoạch thực hiện các khoá đào tạo thú y viên	1
Bảng 4: Danh sách thành viên thuộc “nhóm giảng viên nòng cốt” tham dự khoá ToT về kỹ năng sử dụng bảng lật.....	6
Bảng 5. Nội dung lịch trình khoá ToT về cách làm và sử dụng bảng lật.....	7

Các từ viết tắt

AHS	Trạm thú y huyện
HHs	Hộ gia đình
RUDEP	Chương trình Phát triển Nông thôn Quảng Ngãi
SDAH	Chi cục Thú y tỉnh
VSCF	Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng địa phương
ToT	Tập huấn tập huấn viên
AG	Nhóm hoạt động
CPC	Ủy ban Nhân dân xã
CCG	Nhóm tiếp xúc xã
DDO	Nhân viên Phát triển huyện

1 Phần mở đầu

Chi cục Thú y Quảng Ngãi (CCTY) vừa hoàn tất Đánh giá năng lực thú y viên cơ sở và đánh giá năng lực về thú y tại 19 xã thuộc Chương trình Phát triển Nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) theo Hợp đồng số 45 ngày 6/5/2005.

Tiếp theo các đánh giá năng lực này, nhằm hỗ trợ RUDEP và CCTY xây dựng các chương trình đào tạo/tập huấn và nâng cao năng lực hỗ trợ nông hộ và thú y viên cơ sở trên địa Côn tỉnh, một số hoạt động tư vấn được Chuyên gia thú y thực hiện trong đợt 2, tháng 7/2005 như sau:

- Rà soát lại các hoạt động đánh giá năng lực thú y viên và các dịch vụ thú y thông qua các cuộc họp với cán bộ CCTY và một buổi hội thảo nhằm xác định các lỗ hổng về mặt kiến thức và kỹ năng ở các huyện và các xã. Dựa trên những kết quả này, xây dựng các chương trình đào tạo/tập huấn và nâng cao năng lực cho các huyện và các xã thuộc RUDEP trong thời gian đến;
- Hỗ trợ RUDEP và CCTY trong việc phát triển một phương pháp tiếp cận toàn diện đối với xây dựng các dịch vụ thú y tại 19 xã và huyện thuộc RUDEP; bao gồm cả lựa chọn một “nhóm giảng viên nông cốt” để CCTY tham gia vào các hoạt động đào tạo/tập huấn thú y viên trong thời gian tới;
- Thực hiện huấn luyện và hỗ trợ kỹ thuật cho các giảng viên thuộc “nhóm giảng viên nông cốt” thông qua tiến hành khoá Tập huấn cho tập huấn viên (ToT) về cách làm và sử dụng bảng lật một cách hiệu quả;

Báo cáo này thể hiện kết quả của các hoạt động và những đề xuất cho từng hoạt động.

2 Rà soát kết quả đánh giá năng lực thú y viên và các dịch vụ thú y

2.1 Thực hiện

Nhằm tìm ra các lỗ hổng về mặt kiến thức cũng như kỹ năng về thú y ở các huyện và xã và nhằm xác định các nhu cầu thực tế, các hoạt động sau đã được tổ chức thực hiện để rà soát các kết quả đánh giá năng lực thú y viên và các dịch vụ thú y:

- Thảo luận với một số cán bộ then chốt của CCTY - là những người chịu trách nhiệm chính trong thực hiện đánh giá tại các xã được phân công, bao gồm cả báo cáo tổng hợp và các báo cáo riêng cho từng xã, thông qua một buổi họp được tổ chức ngày 21/7/2005 tại văn phòng CCTY.
 - Thành phần tham dự:
 - CCTY (6 người): Ông Tân (Chi cục trưởng), Ông Huy (Trưởng phòng nhân sự), Ông Thuận (Trưởng phòng kỹ thuật), Ông Hải, Ông Tuấn và Cô Lâm (Cán bộ phòng kỹ thuật)
 - Chuyên gia: Ông Sính
 - Dưới đây là công việc được phân công cụ thể cho từng thành viên CCTY trong thực hiện đánh giá năng lực thú y viên và các dịch vụ thú y tại các xã RUDEP:

Huyện	STT	Xã	Người chịu trách nhiệm
Tur Nghĩa	1	Nghĩa Thọ	Ông Huy, Tân
	2	Nghĩa Sơn	Ông Hải
Sơn Hà	3	Sơn Hải	Cô Lâm
	4	Sơn Trung	Cô Lâm
	5	Sơn Giang	Cô Lâm
Sơn Tây	6	Sơn Mua	Ông Hải
	7	Sơn Bua	Ông Hải
Trà Bồng	8	Trà Hiệp	Ông Huy
	9	Trà Lâm	Ông Huy
Ba Tơ	10	Ba Lễ	Ông Tân
	11	Ba Nam	Ông Huy
Tây Trà	12	Trà Trung	Ông Hải
	13	Trà Lãnh	Ông Hải
Minh Long	14	Long Sơn	Ông Thuận
Nghĩa Hành	15	Hành Phước	Ông Thuận
Đức Phổ	16	Phổ Châu	Ông Thuận
Mộ Đức	17	Đức Phong	Cô Lâm, Ông Huy
Sơn Tịnh	18	Tịnh Thọ	Ông Huy
Bình Sơn	19	Bình Minh	Ông Thuận

- Một buổi hội thảo được tổ chức vào ngày 25/7/2005 nhằm rà soát lại các kết quả đánh giá và xác định các hoạt động cộng tác cụ thể giữa RUDEP và CCTY sẽ được tổ chức thực hiện trong thời gian 2 năm tới.
 - Thành phần:
 - CCTY: Đại diện từ tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh
 - RUDEP: Ông Bede (Cố vấn phát triển có sự tham gia), Ông Huy (Cố vấn phát triển có sự tham gia - phía Việt Nam), Cô Thạch (Phiên dịch)
 - Chuyên gia: Ông Sính
 - Địa điểm: Văn phòng CCTY

2.2 Các kết quả chính

CCTY đã tổ chức thực hiện đánh giá thành công và với tinh thần trách nhiệm. Tất cả các thành viên tham dự cả họp và hội thảo tích cực tham gia thảo luận. Các kết quả chính thông qua thực hiện các hoạt động nêu trên như sau:

2.2.1 Tình hình chăn nuôi và thú y tại 19 xã RUDEP¹:

- *Tình hình chăn nuôi*: Hầu hết các hộ dân các xã miền núi và đồng bằng chăn nuôi 3 loại vật nuôi: bò, heo và gà. Hoạt động nuôi dê vẫn chưa phát triển và chủ yếu là ở một vài xã² mà thôi. Hình thức chăn nuôi quảng canh quy mô nhỏ với tập quán thả rong phổ biến ở các xã miền núi.
- *Tình hình về thú y*: Các biện pháp phòng bệnh vật nuôi vẫn chưa được hầu hết các hộ dân áp dụng. Dịch bệnh xảy ra trên tất cả các loại vật nuôi trong suốt một năm dương lịch, đặc biệt là khi thời tiết nắng nóng, ẩm ướt, và lạnh. Dịch bệnh lây lan nhanh và gây tổn thất đối với các hộ dân.
- *Các dịch vụ thú y*:
 - Ở các xã miền núi:
 - Số lượng thú y viên tại 19 xã là 65 người và là khác nhau giữa các xã. Ở 14 xã miền núi, có 29 người được gọi là “thú y viên”, tuy nhiên, họ chỉ được đào tạo qua các khoá ngắn ngày để thực hiện các chiến dịch tiêm phòng trong năm. Không có thú y viên nào hành nghề tại các xã này.
 - Tất cả các xã không có các dịch vụ thuốc thú y, vì thế, không có thuốc điều trị kịp thời.
 - Các xã đồng bằng:
 - Các xã đồng bằng thiếu thú y viên và số lượng thú y viên phân bố không đồng đều.
 - Mức độ chuyên nghiệp và kỹ năng còn yếu của các thú y viên chưa đáp ứng được yêu cầu chẩn đoán và điều trị bệnh.

¹ Bao gồm 14 xã miền núi (Long Sơn, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Trung, Trà Lãnh, Ba Lê, Ba Nam, Sơn Mua, Sơn Bua, Sơn Giang, Sơn Hải, Sơn Trung) và 5 xã đồng bằng (Đức Phong, Tịnh Thọ, Hành Phước, Bình Minh and Phố Châu)

² Dê chủ yếu được nuôi ở Đức Phong, Phố Châu, Hành Phước, Long Sơn, Ba Nam và Ba Lê

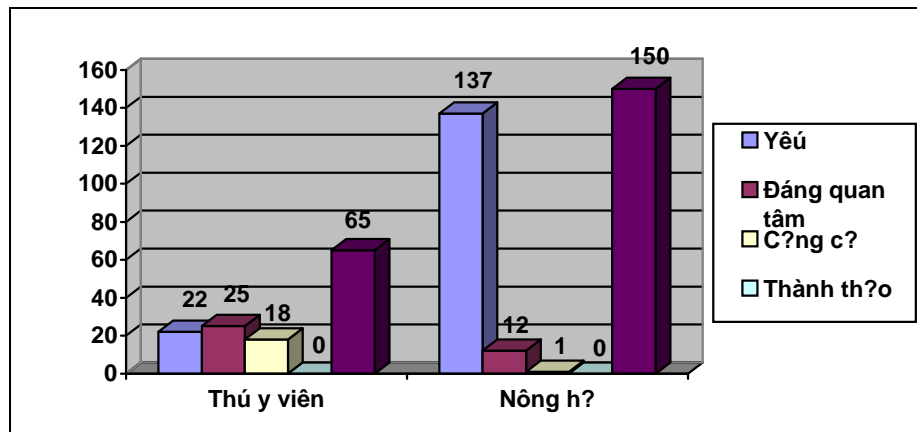
2.2.2 Mức năng lực về thú y của thú y viên cơ sở và nông hộ

Tổng cộng 215 người, bao gồm các thú y viên hiện có và nông hộ được xem là có kinh nghiệm về thú y, được tiến hành đánh giá để đo lường mức độ hiểu biết về mặt lý thuyết và kỹ năng thực hành. Kết quả cho thấy: (xem Bảng 1. Kết quả đánh giá năng lực thú y viên và năng lực về thú y và Hình minh họa dưới đây)

- Đối với 65 thú y viên hiện có: 22 người (33.8%) được xem là ở mức yếu (critical); 25 người (38.5%) ở mức đáng quan tâm (concerned); và 18 người (27.7%) ở mức củng cố (consolidated). Điều quan trọng là không có thú y viên nào được xem là thành thạo (competent).
- Đối với 150 nông hộ được xem là có kinh nghiệm về thú y: 137 người (91.3%) được xem là ở mức yếu (critical); 12 người (8%) ở mức đáng quan tâm (concerned); và chỉ 1 người (0.7%) ở mức củng cố (consolidated). Không có nông hộ nào được xem là thành thạo (competent).

Bảng 1. Kết quả đánh giá năng lực thú y viên và năng lực về thú y

Mức năng lực thành thạo	Thú y viên		Nông hộ	
	Số lượng thú y viên	%	Số lượng nông hộ	%
Yếu (0 - 33%)	22	33.8	137	91.3
Đáng quan tâm (34 – 66%)	25	38.5	12	8.0
Củng cố (67 – 95%)	18	27.7	1	0.7
Thành thạo (100%)	0	0	0	0
Tổng cộng	65	100	150	100



Mức năng lực về thú y thấp như trên cho thấy những lỗ hổng đáng kể về kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành của các đối tượng tham gia đánh giá và có thể dự báo rằng hoạt động đào tạo/tập huấn nhằm lấp các lỗ hổng này sẽ đòi hỏi nhiều thời gian cũng như nỗ lực.

2.2.3 Các giải pháp được thành phần tham gia đánh giá đề xuất

Kết quả đánh giá cũng cho thấy được nhu cầu cao về đào tạo/tập huấn thú y. Tuy nhiên, số lượng khoá đào tạo/tập huấn, số thành viên tham dự, địa điểm và nội dung đào tạo/tập

huấn,...cần được xem xét. Ba (03) giải pháp sau đã được thành phần tham gia đánh giá đề xuất đối với công tác đào tạo/tập huấn và các dịch vụ thú y trong thời gian đến tại các xã RUDEP:

- Tập huấn về thú y cho nông hộ
- Đào tạo nông hộ thành thú y viên
- Thiết lập các tủ thuốc thú y ở cấp thôn/xã.

2.3 Chương trình đào tạo thú y viên

Dựa trên kết quả đánh giá và đặc điểm của từng xã, bao gồm số lượng thôn, xóm, hộ dân; số lượng các loại vật nuôi; và khoảng cách từ xã đến xã/huyện, các vấn đề sau liên quan đến các hoạt động đào tạo thú y viên đã được thống nhất:

Một chương trình đào tạo thú y viên đã được dự thảo và thống nhất: (xem chi tiết ở Bảng 2)

- Số lớp đào tạo thú y viên:
 - 1 lớp đào tạo nâng cao dành cho các thú y viên hiện có với mức năng lực cứng cố (18 người).
 - 9 lớp đào tạo mới dành cho nông hộ và thú y viên hiện có với năng lực từ mức đáng quan tâm trở xuống (172 người), bao gồm 2 lớp ở đồng bằng và 7 lớp ở miền núi.

Theo dự kiến, đến cuối Giai đoạn 2, tổng cộng 190 thú y viên từ mọi thôn trong tất cả các xã RUDEP sẽ được đào tạo cơ bản.

- Địa điểm đào tạo: Xã, huyện hoặc Thị xã Quảng Ngãi.
- Tổng cộng 11 đợt tập huấn sẽ được thực hiện cho mỗi lớp. Dưới đây là dự thảo kế hoạch thực hiện các khoá đào tạo thú y viên, bao gồm 3 bước: (xem
- *Bảng 3. Dự thảo kế hoạch thực hiện các khoá đào tạo thú y viên*)

Bước 1: 3 lớp, bao gồm những xã thuộc huyện:

- Đức Phổ, Mộ Đức và Nghĩa Hành
- Sơn Tịnh và Bình Sơn
- Tư Nghĩa;

Bước 2: 3 lớp, bao gồm những xã thuộc huyện:

- Minh Long
- Sơn Hà
- Sơn Tây;

Bước 3: 3 lớp, bao gồm những xã thuộc huyện:

- Trà Bồng
- Tây Trà
- Ba Tơ;

Bước 4: (nếu được): 1 lớp nâng cao.

Bảng 2. Số liệu và dự thảo chương trình đào tạo thú y viên các xã thuộc RUDEP

STT	Huyện	Xã	Số thôn	Số xóm	Số hộ	Dân số (người)	Bò/Heo/ Gà/Đê* (con)	Thú y viên hiện có	Số thú y viên cần		Thiết lập các lớp đào tạo		Dự kiến tổng số thú y viên
									Nâng cao	Đào tạo mới	Số lượng	Địa điểm	
1	Tư Nghĩa	Nghĩa Thọ	2	7	237	1016	631/456/1000	1	0	11	20	Nghĩa Thọ	11
2		Nghĩa Sơn	2	5	205	902	390/500/1500	1	0	9			9
3	Sơn Hà	Sơn Hải	4	18	632	2857	1600/3079/5265	4	0	6	24	Huyện	6
4		Sơn Trung	6	16	669	2738	1540/2200/4000	5	0	8			8
5		Sơn Giang	6	19	969	4152	2378/2889/6128	6	0	10			10
6	Sơn Tây	Sơn Mua	6	21	712	3451	981/1879/4050	2	0	13	20	Huyện	13
7		Sơn Bua	2	7	265	1142	370/410/3408	0	0	7			7
8	Trà Bồng	Trà Hiệp	4	17	321	1637	47/615/3200	0	0	10	20	Huyện	10
9		Trà Lâm	4	7	300	1579	126/420/1900	2	0	10			10
10	Ba Tơ	Ba Lễ	6	23	308	1442	613/503/500/ 500*	0	0	12	20	Huyện	12
11		Ba Nam	4	9	137	764	338/275/876	0	0	8			8
12	Tây Trà	Trà Trung	4	16	168	750	73/300/525	0	0	9	20	Huyện	9
13		Trà Lãnh	4	18	345	1566	314/600/959	0	0	11			11
14	Minh Long	Long Sơn	9	12	897	4188	1386/1663/4398/ 150*	6	1	15	16	Minh Long	16
15	Nghĩa Hành	Hành Phước	9	17	2883	13227	1882/9326/NB/ 730*	10	4	7	16	Thị xã	11
16	Đức Phổ	Phổ Châu	4	19	1035	5322	1766/3954/7500/ 650*	6	3	5			8
17	Mộ Đức	Đức Phong	5	36	3702	19048	3784/12050/10000/ (*)	14	5	4	16	Thị xã	9
18	Sơn Tịnh	Tịnh Thọ	5	29	2705	12309	7404/7900/30000	3	2	7			9
19	Bình Sơn	Bình Minh	4	19	2310	9799	4100/2450/41000	5	3	9	16	Thị xã	12
	Tổng cộng		90	315	18800	87889		65	18 (**)	172		(**) Thị xã	190

Bảng 3. Dự thảo kế hoạch thực hiện các khoá đào tạo thú y viên

Thời gian		Đợt	Ghi chú
Tháng 8/05	Nửa tháng đầu		Tiêm phòng thường kỳ
	Nửa tháng sau		
Tháng 9/05	Nửa tháng đầu		Tập huấn Nhóm hoạt động
	Nửa tháng sau		
Tháng 10/05	Nửa tháng đầu		Tiêm phòng cúm gia cầm đợt 1
	Nửa tháng sau		
Tháng 11/05	Nửa tháng đầu		Tiêm phòng cúm gia cầm đợt 2
	Nửa tháng sau	1	Bao gồm thiết kế giáo trình đào tạo
Tháng 12/05	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		Gieo sạ lúa
Tháng 1/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		Tết
Tháng 2/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau	2	
Tháng 3/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		
Tháng 4/06	Nửa tháng đầu	3	
	Nửa tháng sau		
Tháng 5/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau	4	
Tháng 6/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		
Tháng 7/06	Nửa tháng đầu	5	
	Nửa tháng sau		
Tháng 8/06	Nửa tháng đầu		Tiêm phòng thường kỳ
	Nửa tháng sau		
Tháng 9/06	Nửa tháng đầu	6	
	Nửa tháng sau		
Tháng 10/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau	7	
Tháng 11/06	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		
Tháng 12/06	Nửa tháng đầu		

	Nửa tháng sau	8	Gieo sạ lúa
Tháng 1/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		Tết
Tháng 2/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		Tiêm phòng thường kỳ
Tháng 3/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau	9	
Tháng 4/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau	10	
Tháng 5/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		
Tháng 6/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau	11	
Tháng 7/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		Tiêm phòng thường kỳ
Tháng 8/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		
Tháng 9/07	Nửa tháng đầu		
	Nửa tháng sau		

3 Khoá tập huấn Tập huấn viên (ToT) ban đầu cho “nhóm giảng viên nông cốt”

3.1 Mở đầu

Kết quả đánh giá năng lực thú y viên và các dịch vụ thú y cho thấy nhu cầu cao về đào tạo/tập huấn thú y ở tất cả các xã, huyện thuộc RUDEP. Hiện tại, số lượng tập huấn viên về thú y ở Quảng Ngãi là rất ít, đặc biệt là ở cấp huyện.

Nhằm hỗ trợ RUDEP và CCTY trong việc phát triển một phương pháp tiếp cận toàn diện đối với xây dựng các dịch vụ thú y tại 19 xã và huyện thuộc RUDEP; CCTY và Chuyên gia thú y đã có một số cuộc thảo luận đối với thiết lập một “nhóm giảng viên nông cốt” với thành phần cả từ CCTY và các Trạm thú y huyện. Các thành viên này sẽ được Chuyên gia thú y tập huấn và hỗ trợ thông qua tổ chức thực hiện các khoá đào tạo thú y viên. Các thành viên thuộc “nhóm giảng viên nông cốt” từ cấp huyện sẽ được giao cung cấp thực hiện các khoá đào tạo ở huyện mình, và thậm chí là ở các huyện khác.

3.2 Thực hiện

3.2.1 Thiết lập “nhóm giảng viên nông cốt”

Tiêu chí lựa chọn thành viên cho “nhóm giảng viên nông cốt” bao gồm: (1) tích cực/tận tâm; (2) có năng lực trong đào tạo/tập huấn; (3) làm việc lâu dài ở CCTY/Trạm thú y huyện. Tổng cộng có 20 người từ CCTY (7) và các huyện (13; 1 người/huyện) đã được lựa chọn. (xem Bảng 4: Danh sách thành viên thuộc “nhóm giảng viên nông cốt” tham dự khoá ToT về kỹ năng sử dụng bảng lật)

3.2.2 Khoá ToT về cách làm và sử dụng bảng lật

Một khoá tập huấn Tập huấn viên (ToT) 2 ngày cho “nhóm giảng viên nông cốt” về cách làm và sử dụng bảng lật đã được tổ chức vào ngày 26 và 28/7/2005 tại khách sạn Hùng Vương. (xem Bảng 5. Nội dung lịch trình khoá ToT về cách làm và sử dụng bảng lật

Sau phần mở đầu ngắn gọn của ông Bede, các thành viên tham dự chọn chủ đề “Thuốc thú y điều trị bệnh vật nuôi” để thực hành về cách làm và sử dụng bảng lật. Sau đó, các thành viên thiết kế đề cương cho đề tài này với sự hỗ trợ của Chuyên gia thú y. Lớp tập huấn được chia thành 3 nhóm nhỏ (mỗi nhóm có các thành viên CCTY và các Trạm thú y huyện) thảo luận để đi đến thống nhất về nội dung cho các bảng lật. Mỗi nhóm thực hiện phần việc của nhóm mình và ghép các phần việc này với nhau sẽ hình thành nội dung đào tạo hoàn chỉnh như trên cho công tác đào tạo thú y viên sắp đến.

Sau khi đã hoàn tất các bảng lật trên giấy A1, đại diện của mỗi nhóm được cử thực tập công tác giảng dạy. Trong khi đó, các thành viên khác đóng vai là thú y viên. Sau phần trình bày của mỗi nhóm, học viên người vừa mới thực tập tự đánh giá, sau đó các thành viên khác đóng góp ý kiến, và cuối cùng là nhận xét của Chuyên gia.

Do hạn chế về thời gian, khoá ToT này chỉ trọng tâm vào:

- (1) Cách làm bảng lật tốt; và
- (2) Cách sử dụng bảng lật hiệu quả.

Qua sử dụng bảng lật làm bằng tay cùng với vẽ và nhấn mạnh vào những phần quan trọng kết hợp với các dụng cụ trợ giảng khác, các thành viên đã tiếp thu được những kỹ năng có giá trị về viết trên khổ giấy lớn, phối hợp màu sắc để làm bảng lật và phương pháp sử dụng bảng lật kết hợp với các công cụ giảng dạy khác.

Tất cả thành viên rất nhiệt tình và tham gia tích cực xuyên suốt khoá học. Vào ngày nghỉ không có tập huấn³, một số thành viên đã chuẩn bị bảng lật ở nhà để kịp thời hạn. Điều này thể hiện sự nhiệt tình cao của các thành viên. Đặc biệt, việc Chi cục trưởng CCTY cũng tham dự với tư cách là thành viên của lớp đã thể hiện được sự quan tâm cao đến hoạt động này của Chi cục.

³ Vào ngày 27/7/2005

4 Đề xuất

Dựa trên kết quả đánh giá năng lực thú y viên và năng lực về thú y cũng như kết quả từ các cuộc họp và hội thảo, các hoạt động sau nên được hướng đến:

- Các khoá đào tạo thú y viên nên bắt đầu bằng việc lựa chọn đúng người để đào tạo thành thú y viên. Tiêu chí lựa chọn nên bao gồm: (1) nhiệt tình/tận tâm và mong muốn làm việc tự nguyện như là thú y viên thôn; (2) dân cư trú lâu dài tại địa phương; (3) có sức khoẻ; và kết hợp với các tiêu chí của RUDEP: (1) hộ nghèo; (2) cân bằng giới.
Mọi đối tượng phải được trưởng thôn đề xuất thông qua các cuộc họp thôn thực hiện bởi Nhân viên phát triển huyện (DDO) và Nhóm Tiếp xúc xã (CCG) và sau đó được UBND xã phê chuẩn.
Cách tốt nhất là lựa chọn các đối tượng trong số thành viên các Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng (VSCF) và Nhóm hoạt động (AG) - là những người đạt được kết quả tốt nhất trong các khoá Tập huấn về thú y cho nông hộ⁴.
- Đối với 11 xã miền núi trước giờ chưa có tập huấn thú y cho nông hộ⁵, theo đề xuất là sẽ tổ chức thực hiện các khoá tập huấn về thú y cho nông hộ (về các loại vật nuôi là trâu/bò, heo, gà). Sẽ có 11 khoá được thực hiện (1 khoá/xã; 4 ngày/khoá). Các đợt tập huấn nên được tổ chức tại văn phòng UBND xã với khoảng 25 nông hộ. Hy vọng rằng các khoá này sẽ hoàn tất trong tháng 9/2005.
Dựa trên các kết quả tập huấn, một số nông hộ đáp ứng được các tiêu chí nêu trên sẽ được lựa chọn cho các lớp đào tạo thú y viên.
- Các khoá đào tạo thú y viên sau đó sẽ được tổ chức thực hiện theo kế hoạch nêu trên (*xem*
- *Bảng 3. Dự thảo kế hoạch thực hiện các khoá đào tạo thú y viên*). Tại đợt đào tạo đầu tiên⁶, cần xây dựng giáo trình đào tạo phù hợp sử dụng cho các lớp miền núi và các lớp đồng bằng; lập ra các quy định quản lý học viên,...
- Về lâu dài, cần thiết lập cơ chế hoạt động khả thi cho các thú y viên đã đào tạo dưới sự giám sát của chính quyền xã cùng với hỗ trợ của Trạm thú y huyện. Các trang bị cần thiết và tủ thuốc thú y cho các thú y viên nên được hỗ trợ duy nhất vào cuối khoá cho an toàn và hiệu quả.

⁴ Cho đến nay, các hoạt động tập huấn về thú y cho nông hộ đã được tiến hành tại 8 xã

⁵ Bao gồm các xã Nghĩa Sơn, Sơn Trung, Sơn Mua, Sơn Bua, Trà Hiệp, Trà Lâm, Ba Lễ, Ba Nam, Trà Trung, Trà Lãnh và Long Sơn.

⁶ Dự kiến vào tháng 11/2005

Bảng 4: Danh sách thành viên thuộc “nhóm giảng viên nòng cốt” tham dự khoá ToT về kỹ năng sử dụng bảng lật

26 & 28/7/2005

Khách sạn Hùng Vương

STT	Tên	Đơn vị	Chức vụ
1	Võ Văn Tân	CCTY	Chi cục trưởng
2	Nguyễn Đình Tuấn	CCTY	Chi cục phó
3	Nguyễn Đình Huy	Phòng nhân sự, CCTY	Trưởng phòng
4	Nguyễn Văn Thuận	Phòng kỹ thuật, CCTY	Trưởng phòng
5	Lê Thị Thanh Lâm	Phòng kỹ thuật, CCTY	Cán bộ
6	Dương Văn Hải	Phòng kỹ thuật, CCTY	Cán bộ
7	Phạm Anh Tuấn	Phòng kỹ thuật, CCTY	Cán bộ
8	Nguyễn Văn Tấn	Trạm thú y Thị xã Quảng Ngãi	Trạm trưởng
9	Lê Văn Đông	Trạm thú y Bình Sơn	Trạm trưởng
10	Lê Văn Dương	Trạm thú y Sơn Tịnh	Cán bộ
11	Võ Văn Ngọc	Trạm thú y Nghĩa Hành	Cán bộ
12	Nguyễn Văn Hải	Trạm thú y Mộ Đức	Cán bộ
13	Nguyễn Thị Loan	Trạm thú y Đức Phổ	Cán bộ
14	Võ Thân	Trạm thú y Tư Nghĩa	Cán bộ
15	Phan Huy Anh	Trạm thú y Minh Long	Trạm trưởng
16	Nguyễn Nhịp	Trạm thú y Sơn Hà	Trạm trưởng
17	Trần Quý	Trạm thú y Sơn Tây	Trạm trưởng
18	Đào Khắc Dũng	Trạm thú y Tây Trà	Trạm trưởng
19	Phạm Quang Vinh	Trạm thú y Trà Bồng	Cán bộ
19	Ngô Hữu Tường	Trạm thú y Ba Tơ	Cán bộ

- *Nhóm 1:* Dương Văn Hải, Võ Văn Tân, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Thị Loan, Võ Văn Ngọc và Nguyễn Văn Hải (6)
- *Nhóm 2:* Nguyễn Đình Huy, Nguyễn Đình Tuấn, Nguyễn Nhịp, Phan Huy Anh, Ngô Hữu Tường, Võ Thân và Lê Văn Dương (7)
- *Nhóm 3:* Lê Thị Thanh Lâm, Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Văn Tấn, Đào Khắc Dũng, Lê Văn Đông, Phạm Quang Vinh và Trần Quý (7)

Bảng 5. Nội dung lịch trình khoá ToT về cách làm và sử dụng bảng lật

26 & 28/7/2005

Khách sạn Hùng Vương

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
26/7		
08.00 – 08.15	Phần giới thiệu	Ông Bede/Tân
08.15 – 08.30	Mục tiêu	Ông Sính
08.30 – 09.00	Phương pháp làm và sử dụng bảng lật	Ông Sính
09.00 – 09.30	Lựa chọn và thảo luận về đề tài thực hành	Mọi thành viên
09.30 – 09.45	<i>Giải lao</i>	
09.45 – 10.30	Thảo luận và thống nhất về nội dung các bảng lật	Làm việc theo nhóm
10.30 – 11.30	Thiết kế bảng lật trên giấy A1	Làm việc theo nhóm
11.30 – 13.30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13.30 – 15.00	Thiết kế bảng lật trên giấy A1 (tt)	Làm việc theo nhóm
15.00 – 15.15	<i>Giải lao</i>	
15.15 – 17.00	Thiết kế bảng lật trên giấy A1 (tt)	Làm việc theo nhóm
28/7		
08.00 – 09.30	Thiết kế bảng lật trên giấy A1 (tt)	Làm việc theo nhóm
09.30 – 09.45	<i>Giải lao</i>	
09.45 – 11.30	Thiết kế bảng lật trên giấy A1 (tt)	Làm việc theo nhóm
11.30 – 13.30	<i>Nghỉ trưa</i>	
13.30 – 15.00	Trình bày về sử dụng bảng lật	Mọi thành viên
15.00 – 15.15	<i>Giải lao</i>	
15.15 – 16.20	Trình bày về sử dụng bảng lật (tt)	Mọi thành viên
16.20 – 16.50	Tổng kết và nhận xét	Ông Sính
16.50 – 17.00	Kết thúc	Ông Tân

Giới hạn tài liệu

URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này để phục vụ cho Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi của AusAID với một sự cẩn trọng và kỹ lưỡng của ngành tư vấn chuyên môn. Nội dung báo cáo này dựa trên những thông lệ và tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi tại thời điểm nó được soạn thảo. Ngoài ra, không có một đặc quyền nào khác, dù là thành văn hoặc ẩn ý, được dẫn chiếu làm cơ sở cho nội dung cố vấn chuyên môn được bao hàm trong báo cáo này. Tài liệu báo cáo này được soạn thảo theo đúng lĩnh vực công việc và mục đích đã được hệ thống trong Văn kiện Thiết kế Chương trình.

Hệ phương pháp và các nguồn thông tin được vận dụng và sử dụng bởi URS sẽ được liệt kê trong báo cáo này. URS không thực hiện một sự kiểm chứng độc lập nào đối với những thông tin này ngoài phạm vi các công việc đã được chuẩn y và URS không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thiếu chuẩn xác hoặc sự bị bỏ sót nào trong các nguồn thông tin. Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu, người viết không tìm thấy một dấu hiệu nào cho thấy thông tin được cung cấp cho URS sử dụng trong báo cáo này là không đúng thực tế.

Báo cáo này được thực hiện trong thời gian Tháng 7 2005 và dựa trên các điều kiện và thông tin được xem xét tại thời điểm soạn thảo này. URS khước từ mọi trách nhiệm về bất kỳ những sự thay đổi nào có thể phát sinh sau thời điểm này.

Báo cáo này phải được đọc một cách đầy đủ. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba. Báo cáo này không có ý định đưa ra sự cố vấn về pháp lý. Cố vấn pháp lý chỉ có thể cung cấp bởi những bên hành nghề pháp lý chuyên môn..